

A. 1;2;3

C. 1;2

B. 0;1;2

D. 0;1

Câu 13. Kết quả so sánh hai số 7^2 và 2^7 là?

A. $7^2 > 2^7$

C. $7^2 = 2^7$

B. $7^2 \geq 2^7$

D. $7^2 < 2^7$

Câu 14. Chữ số x, y được thay vào số $35x98y$ để số đó chia hết cho 2;5 và 9 là:

A. $x = 2; y = 0$

C. $x = 3; y = 8$

B. $x = 0; y = 2$

D. $x = 9; y = 0$

Câu 15. Hiệu $11.9.5.2 - 48$ chia hết cho

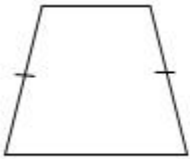
A. 2 và 3

C. 3 và 5

B. 2 và 9

D. 2 và 5

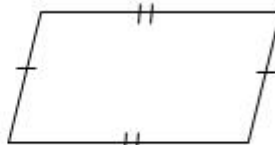
Câu 16. Quan sát các hình sau, hình bình hành là hình:



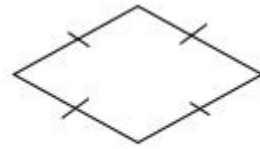
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1.

C. Hình 3.

B. Hình 2.

D. Hình 4.

Câu 17. Cho tam giác đều ABC, biết $AB = 3\text{cm}$. Khi đó AC có độ dài là

A. 5cm

C. 3cm

B. 4cm

D. 2cm

Câu 18. Một mảnh vườn hình vuông có chiều dài cạnh là 24m. Khi đó chu vi mảnh vườn là:

A. 24m

C. 576m

B. 96m

D. 48m

Câu 19. Ghép 6 tam giác đều có độ dài cạnh là 5cm thành một lục giác đều. Khi đó độ dài đường chéo chính là:

A. 5cm.

C. 10cm.

B. 15cm.

D. 30cm.

Câu 20. Một miếng gỗ hình thoi có kích thước hai đường chéo lần lượt là 5cm; 8cm. Diện tích của miếng gỗ là:

A. 20cm^2

C. 40cm^2

B. 26cm^2

D. 13cm^2

Phần tự luận (6 điểm)

Bài 1 (1,75 điểm). Tính:

a) $2^3 \cdot 5 - 2^3 \cdot 3$

b) $125 - \{2 \cdot [2 \cdot 5^2 - (31 - 2 \cdot 3)]\} + 3 \cdot 25$

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 2 (1 điểm): Tìm số tự nhiên x, biết: $(x - 11) \cdot 4 = 4^3 : 2$

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 3 (1 điểm): Khối 6 của một trường THCS có 143 học sinh đi tham quan. Biết một xe có 16 chỗ ngồi. Hỏi cần ít nhất bao nhiêu xe để chở hết số học sinh đó.

.....
.....
.....
.....

Bài 4 (1,25 điểm): Một khu vườn hình chữ nhật có diện tích 4500 m^2 , chiều rộng 50m , cửa vào khu vườn rộng 5m . Người ta muốn làm hàng rào xung quanh vườn bằng hai tầng dây thép gai. Hỏi cần phải dùng bao nhiêu mét dây thép gai để làm hàng rào?

.....
.....
.....
.....

Bài 5 (1 điểm): Cho $B = 3^1 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{300}$. Chứng minh rằng B chia hết cho 2

.....
.....
.....
.....

----- Hết -----